TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình.
2. Bà Lý Thị Nhân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số: 43/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **VÀNG THỊ H**, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Tổ dân phố 01, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang.
2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN KIM V**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
(chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị VÀNG THỊ H trình bày: Tôi và anh NGUYỄN KIM V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký hôn vào ngày 21/7/2014, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau ngày kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc; đến đầu 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ, nhưng cho đến thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên tôi có đơn xin ly hôn với Anh V gửi Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp; vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích; mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng, hạnh phúc gia đình không đạt được. Đến năm 2020, do mâu thuẫn quá căng thẳng, nên tôi đã về nhà bố mẹ đẻ của tôi tại tổ 01, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang ở, do vậy vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân chúng tôi đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải, nhưng không thành.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày, nên tôi đề nghị Toà án nhân dân thành phố T giải quyết cho tôi được ly hôn với anh NGUYỄN KIM V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và anh NGUYỄN KIM V có 01 người con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21/02/2014. Hiện nay cháu M đang sống cùng tôi tại tổ 01, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Quan điểm của tôi khi giải quyết ly hôn là đề nghị Toà án giao cháu M cho tôi là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tôi không yêu cầu Anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung: Tôi và anh NGUYỄN KIM V không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh NGUYỄN KIM V không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành hỏi ý kiến của cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2014, là con chung của chị H và Anh V được biết nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu M là được ở trực tiếp với mẹ VÀNG THỊ H.

Quá trình giải quyết vụ án, về tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp cho Tòa án:

- 02 (Hai) Trích lục kết hôn (bản sao) số 110/TLKH-BS, ngày 22/6/2022 của UBND phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mang tên vợ VÀNG THỊ H, mang tên chồng NGUYỄN KIM V;

- 02 (Một) bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên VÀNG THỊ H và NGUYỄN KIM V;

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Vàng Đức Sinh;

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2014.

Anh V không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh NGUYỄN KIM V được biết: Anh NGUYỄN KIM V và chị VÀNG THỊ H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tại tổ dân phố 16, phường T chị H và Anh V thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên chị H đã chuyển về thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang sinh sống, còn anh NGUYỄN KIM V vẫn sinh sống và làm việc tại thành phố T, nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Anh NGUYỄN KIM V thường xuyên vắng nhà, địa phương không biết Anh V làm gì, ở đâu. Việc chị H xin ly hôn với Anh V thì ý kiến của địa phương là đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H và Anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21/02/2014, hiện

nay cháu M ở với chị H. Về tài sản chung và tài sản cho vay, tài sản vay nợ chung của Anh V và chị H tổ dân phố không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh V đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, không lấy được ý kiến của Anh V và không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị H đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là Anh V chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 147; Điều 207; 227; 228; Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của chị VÀNG THỊ H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị VÀNG THỊ H được ly hôn với anh NGUYỄN KIM V.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2014, cho chị VÀNG THỊ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh NGUYỄN KIM V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H xác định không có, nên không xem xét giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Chị H xác định không có, nên không xem xét giải quyết khi ly hôn.

- Về án phí: Chị VÀNG THỊ H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh NGUYỄN KIM V không phải chịu án phí.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị VÀNG THỊ H và anh NGUYỄN KIM V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 21 tháng 7 năm 2014, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên năm 2020 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân đến nay, sau đó chị H có đơn xin ly hôn với Anh V gửi Toà án giải quyết. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và Anh V có mâu thuẫn căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, nên chấp nhận đơn và yêu cầu của chị H là được ly hôn với Anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và Anh V có 01 người con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21/02/2014. Xét thấy cháu Nguyễn Nhật Minh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của cháu M là được ở trực tiếp với mẹ là chị H khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, giao cháu M cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H tự nguyện không yêu cầu Anh V đóng góp phí tổn nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với Anh V quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Anh V đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú được biết hiện nay Anh V thường xuyên không có mặt tại địa phương, nên không lấy được ý kiến của Anh V và Anh V thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị H ly hôn với Anh V theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Anh NGUYỄN KIM V không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị H và Anh V theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị VÀNG THỊ H được ly hôn với anh NGUYỄN KIM V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2014, cho chị VÀNG THỊ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H (do chị H không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị VÀNG THỊ H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000391, ngày 18 tháng 7 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị VÀNG THỊ H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh NGUYỄN KIM V không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị VÀNG THỊ H và anh NGUYỄN KIM V vắng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Tân Hà (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn